

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hiệu chỉnh E-HSMT Gói thầu số I: Thi công xây dựng 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu gộp các gói thầu thuộc 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường

GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-HĐTV ngày 01/06/2025 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về việc ban hành quy định phân cấp của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định 194/QĐ-HĐTV ngày 13/08/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc Về việc ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 735/QĐ-EVNNPC, ngày 14/4/2025 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2026 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-PCLS ngày 09/9/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Lạng Sơn Về việc ban hành Quy định phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của Giám đốc và các Phó Giám đốc Công ty Điện lực Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-PCLS ngày 27/8/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc thành lập lại Tổ thẩm định lựa chọn nhà thầu các dự án thuộc nguồn vốn ĐTXD và SXKD trong Công ty Điện lực Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1247/QĐ-PCLS ngày 12/9/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Lạng Sơn Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gộp các gói thầu thuộc 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường;

Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-PCLS ngày 16/9/2025 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt giá Gói thầu gộp các gói thầu thuộc 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường.

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-PCLS ngày 21/9/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu số I: Thi công xây dựng 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu gộp các gói thầu thuộc 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-PCLS ngày 26/9/2025 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt hiệu chỉnh E-HSMT Gói thầu số I: Thi công xây dựng 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu gộp các gói thầu thuộc 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường;

Căn cứ Quyết định số 1410/QĐ-PCLS ngày 01/10/2025 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt hiệu chỉnh E-HSMT Gói thầu số I: Thi công xây dựng 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường;

Căn cứ Tờ trình số 22/TXT ngày 03/10/2025 của Tổ chuyên gia về việc đề nghị phê duyệt hiệu chỉnh E-HSMT Gói thầu số I: Thi công xây dựng 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu gộp các gói thầu thuộc 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường;

Xét đề nghị của của Tổ thẩm định lựa chọn nhà thầu các dự án thuộc nguồn vốn ĐTXD và SXKD trong Công ty Điện lực Lạng Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hiệu chỉnh E-HSMT Gói thầu số I: Thi công xây dựng 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu gộp các gói thầu thuộc 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường như sau:

1. Mẫu số 01B. Bảng khối lượng công việc mời thầu

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
20	SAN NỀN - PHẦN XÂY DỰNG NGOÀI TRỜI				Bổ sung khối lượng theo dự toán gói thầu
20.1	Đắp cát công trình	100m ³		2,946	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90				
21	PHÁ DỠ VÀ THU HỒI - PHẦN XÂY DỰNG NGOÀI TRÒ				
21.1	Thu hồi nhà để xe khung thép, mái tôn 1 mái cao 2,9-3,8m			-	
21.1.1	Tháo dỡ tấm lợp - Tôn	100m ²		0,400	
21.1.2	Tháo dỡ các kết cấu thép - cột thép	tấn		0,250	
21.1.3	Tháo dỡ các kết cấu thép - vì kèo, xà gỗ	tấn		0,050	
21.2	Thu hồi nhà để xe hotline khung thép, mái tôn 1 mái cao 4,5-5,3m				
21.2.1	Tháo dỡ tấm lợp - Tôn	100m ²		3,860	
21.2.2	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m ²		27,000	
21.2.3	Tháo dỡ các kết cấu thép - cột thép	tấn		0,300	
21.2.4	Tháo dỡ các kết cấu thép - vì kèo, xà gỗ	tấn		0,100	
21.3	Phá dỡ bể nước không sử dụng				
21.3.1	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng búa căn khí nén 3m ³ /ph	m ³		0,600	
21.3.2	Mua cát đen đổ bể ngầm	m ³		22,500	
21.4	Phá dỡ tường 110, cao 1,6m (dài 30m)				
21.4.1	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤ 11cm	m ³		5,280	
21.5	Phá dỡ tường rào lắp khung sắt bị nghiêng (dài 12m)				
21.5.1	Phá dỡ tường xây	m ³		1,170	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	gạch chiều dày ≤ 11 cm				
21.5.2	Tháo dỡ hàng rào thép	tấn		0,102	
21.6	Thu hồi cây để lấy mặt bằng				
21.6.1	Chặt cây ở mặt đất bằng phẳng, đường kính gốc cây ≤ 20 cm	cây		6,000	
21.6.2	Chặt cây ở mặt đất bằng phẳng, đường kính gốc cây ≤ 30 cm	cây		5,000	
21.6.3	Chặt cây ở mặt đất bằng phẳng, đường kính gốc cây ≤ 30 cm	cây		1,000	
21.7	Phá dỡ tường 110 cao 1,2m (dài 45,1m)				
21.7.1	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤ 11 cm	m ³		0,541	
21.8	Phá dỡ nền bê tông (152m²)				
21.8.1	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng búa căn khí nén 3m ³ /ph	m ³		1,520	
21.9	Phá dỡ nhà kho mái tôn khung thép (77,7m²)				
21.9.1	Tháo dỡ tấm lợp - Tôn	100m ²		0,777	
21.9.2	Tháo dỡ các kết cấu thép - cột thép	tấn		0,070	
21.9.3	Tháo dỡ các kết cấu thép - vì kèo, xà gỗ	tấn		0,030	
21.10	Phá dỡ tường rào vị trí đường vào nhà để xe hotline 110 cao 1,5m (dài 6m)				
21.10.1	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤ 11 cm	m ³		0,090	
22	Phần xây dựng mới và hoàn trả				
22.1	Tường rào lắp khung				

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	sắt bị nghiêng đã phá dỡ (dài 12m)				
22.1.1	Đào móng bằng máy đào 0,8m ³ , chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	100m ³		0,154	
22.1.2	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB30	m ³		0,720	
22.1.3	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤250cm, M200, đá 1x2, PCB30	m ³		1,525	
22.1.4	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD ≤0,1m ² , chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB30	m ³		0,990	
22.1.5	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	tấn		0,039	
22.1.6	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn		0,032	
22.1.7	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn		0,102	
22.1.8	Ván khuôn móng cột	100m ²		0,146	
22.1.9	Ván khuôn cột vuông, chữ nhật, chiều cao ≤28m	100m ²		0,132	
22.1.10	Đào móng bằng máy đào 0,8m ³ , chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	100m ³		0,018	
22.1.11	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều	m ³		0,525	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB30				
22.1.12	Xây tường móng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB30	m3		4,532	
22.1.13	Bê tông xà dầm, giằng móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB30	m3		0,508	
22.1.14	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn		0,039	
22.1.15	Ván khuôn thép, khung xương, cột chống giáo ống, xà dầm, giằng, chiều cao ≤28m	100m2		0,046	
22.1.16	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB30	m3		0,630	
22.1.17	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, Trát tường ngoài, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB30	m2		18,600	
22.1.18	Gia công hàng rào thép hộp	tấn		0,102	
22.1.19	Lắp dựng hàng rào thép	tấn		0,102	
22.1.20	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 lớp sơn màu + 2 lớp chống gỉ	1m2		2,720	
22.2	Nhà để xe				

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
22.2.1	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$, M200, đá 2x4, PCB30	m3		0,096	
22.2.2	Ván khuôn móng cột	100m2		0,019	
22.2.3	Gia công hệ khung nhà để xe	tấn		0,771	
22.2.4	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo trên cạn	tấn		0,771	
22.2.5	Lợp mái tôn sóng dày 0,47mm	100m2		0,446	
22.2.6	Gia công hàng rào lưới thép B40	m2		15,480	
22.2.7	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 lớp sơn màu + 2 lớp chống gỉ	1m2		33,391	
22.3	Nhà để xe hotline				
22.3.1	Đào móng bằng máy đào 0,8m3, chiều rộng móng $\leq 6\text{m}$ - Cấp đất III	100m3		0,143	
22.3.2	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$, M100, đá 4x6, PCB30	m3		0,576	
22.3.3	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$, M200, đá 2x4, PCB30	m3		1,416	
22.3.4	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD $\leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 2x4, PCB30	m3		1,472	
22.3.5	Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$	tấn		0,031	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
22.3.6	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn		0,038	
22.3.7	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn		0,192	
22.3.8	Ván khuôn móng cột	100m ²		0,096	
22.3.9	Ván khuôn cột vuông, chữ nhật, chiều cao $\leq 28\text{m}$	100m ²		0,196	
22.3.10	Đào móng bằng máy đào 0,8m ³ , chiều rộng móng $\leq 6\text{m}$ - Cấp đất III	100m ³		0,049	
22.3.11	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$, M100, đá 4x6, PCB30	m ³		0,515	
22.3.12	Xây tường móng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB30	m ³		3,364	
22.3.13	Bê tông xà dầm, giằng móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB30	m ³		0,844	
22.3.14	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn		0,015	
22.3.15	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn		0,078	
22.3.16	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm,	m ³		9,268	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	chiều cao $\leq 6m$, vữa XM M75, XM PCB30				
22.3.17	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, Trát tường ngoài, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB30	m ²		96,370	
22.3.18	Bulong neo M14x250	cái		16,000	
22.3.19	Bulong neo M14x80	cái		24,000	
22.3.20	Gia công hệ khung dàn	tấn		1,116	
22.3.21	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo trên cạn	tấn		1,116	
22.3.22	Lợp mái tôn sóng dày 0,47mm	100m ²		0,929	
22.3.23	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 lớp sơn màu + 2 lớp chống gỉ	1m ²		245,010	
22.3.24	Mua sắm và lắp dựng cửa cuốn bằng điện 5,1x4,2	m ²		21,420	
22.3.25	Bóng đèn chiếu sáng 250w	bóng		2,000	
22.3.26	Lắp đặt đèn sát trần có chụp	bộ		2,000	
22.3.27	Lắp đặt bảng điện	cái		1,000	
22.3.28	Lắp đặt công tắc 2 hạt	cái		1,000	
22.3.29	Lắp đặt dây dẫn Cu/PVC/PVC (2x4)mm ²	m		30,000	
22.4	Hệ thống mương thoát nước				
22.4.1	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250cm$, M100, đá 2x4, PCB30	m ³		0,679	
22.4.2	Bê tông mương cáp,	m ³		0,509	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	rãnh nước SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 2x4, PCB30				
22.4.3	Lắp dựng cốt thép mương cáp, rãnh nước, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$	tấn		0,166	
22.4.4	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB30	m3		7,471	
22.4.5	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, Trát tường trong, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB30	m2		67,920	
22.4.6	Láng mương cáp, mương rãnh dày 1cm, vữa XM M75, PCB30	m2		32,262	
22.4.7	Tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	tấn		0,132	
22.4.8	Gia công cầu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, $\text{KL} \leq 10\text{kg}/1$ cầu kiện	tấn		0,263	
22.4.9	Lắp đặt cầu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, $\text{KL} \leq 10\text{kg}/1$ cầu kiện	tấn		0,263	
22.4.10	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M250, đá 1x2, PCB30 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m3		4,080	
22.4.11	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn	100m2		0,217	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	kim loại, ván khuôn pa nen				
22.4.12	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 lớp sơn màu + 2 lớp chống gỉ	1m2		21,080	
22.4.13	Lắp các loại CKBT đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng ≤100kg	1 cấu kiện		85,000	
22.5	Sân bê tông				
22.5.1	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M300, đá 2x4, PCB30	m3		67,100	
22.6	Cải tạo hệ thống mương thoát nước (dài 12,1m)				
22.6.1	Lật tấm đan	cấu kiện		12,000	
22.6.2	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB30	m3		1,897	
22.6.3	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, Trát tường trong, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB30	m2		9,680	
22.6.4	Lắp các loại CKBT đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng ≤100kg	1 cấu kiện		12,000	
22.7	Tường rào gạch cao 1,5m (32,9m)				
22.7.1	Đào móng bằng máy đào 0,8m3, chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	100m3		0,166	
22.7.2	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều	m3		0,138	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng đã đăng tải	Khối lượng đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	rộng ≤250cm, M100, đá 2x4, PCB30				
22.7.3	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB30	m3		12,033	
22.7.4	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, Trát tường ngoài, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB30	m2		98,700	

2. Bảng số 02. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn đã đăng tải	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn đề nghị hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
3	Cán bộ kỹ thuật phần điện	- Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên, chuyên ngành điện; - Đã làm cán bộ an toàn của 02 công trình đường dây và trạm biến áp	- Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên, chuyên ngành điện; - Đã làm cán bộ kỹ thuật của 02 công trình đường dây và trạm biến áp	Cập nhật nhằm
4	Cán bộ kỹ thuật phần xây dựng	- Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên, chuyên ngành xây dựng; - Đã làm cán bộ an toàn của 02 công trình đường dây và trạm biến áp	- Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên, chuyên ngành xây dựng; - Đã làm cán bộ kỹ thuật của 02 công trình đường dây và trạm biến áp	

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1311/QĐ-PCLS ngày 21/9/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt E-HSMTG gói thầu số I: Thi công xây dựng 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường và

Quyết định số 1352/QĐ-PCLS ngày 26/9/2025; Số 1410/QĐ-PCLS ngày 01/10/2025 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt hiệu chỉnh E-HSMT Gói thầu số I: Thi công xây dựng 02 dự án đầu tư xây dựng năm 2026 và Thao trường.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng Kế hoạch & vật tư, Tài chính kế toán, Kỹ Thuật, Quản lý đầu tư, Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 2(để t/h);
- Ông Toàn PGĐ Cty (để c/đ);
- Ông Tuấn Anh PGĐ Cty(để p/h);
- Lưu: VT, ĐT.

Trần Hồ Nam